zhà diào

炸掉

verb · to blow up, destroy by explosion

Example Sentences

tā men jì huà zhà diào nà zuò jiù qiáo
他 们 计 划 炸 掉 那 座 旧 桥 。

They plan to blow up that old bridge.

zhà dàn zhà diào le zhěng dòng dà lóu
炸 弹 炸 掉 了 整 栋 大楼。

The bomb blew up the entire building.

Trace each character, then write the word on your own.

炸 炸 炸 炸 炸 炸 炸 炸 炸 炸 炸

炸

掉 掉 掉 掉 掉 掉 掉 掉 掉 掉 掉

掉 掉 掉